

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ II LỚP 5	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Diện tích hình tam giác có độ dài cạnh đáy 8cm và chiều cao tương ứng 5cm là:

- A. 40 cm^2 B. 60 cm^2 C. 20 cm^2 D. 80 cm^2

Câu 2. Nam đi 100m trong 2 phút. Với vận tốc như vậy, để đi được 1 km Nam phải đi trong bao lâu?

- A. 20 phút B. 10 phút C. 15 phút D. 25 phút

Câu 3. Một chiếc xe khách đi từ tỉnh A lúc 7 giờ 15 phút và đến tỉnh B lúc 9 giờ 50 phút. Hỏi xe khách đó đi từ tỉnh A đến tỉnh B hết bao nhiêu thời gian?

- A. 2 giờ 30 phút B. 2 giờ 35 phút C. 2 giờ 25 phút D. 2 giờ 40 phút

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $12\text{m}^3 25\text{dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$ là:

- A. 12,25 B. 120,25 C. 12,025 D. 12,0025

Câu 5. Khối lớp 5 có 300 học sinh. Trong đó, có 180 học sinh nữ. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh của khối lớp 5?

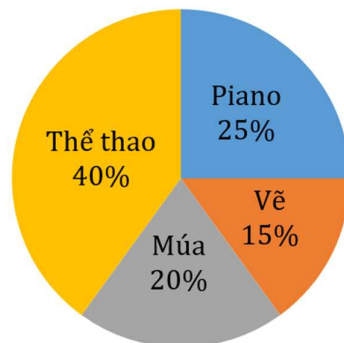
- A. 60% B. 40% C. 50% D. 80%

Câu 6. Diện tích hình tròn có đường kính 20cm là:

- A. $31,4\text{ cm}^2$ B. 100 cm^2 C. 314 cm^2 D. $125,6\text{ cm}^2$

Câu 7. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $\frac{1}{2}$ thế kỉ = ... năm.**Câu 8.** Kết quả điều tra về sự yêu thích các Câu lạc bộ của học sinh ở một trường tiểu học được thể hiện trong biểu đồ hình quạt ở hình bên (mỗi bạn chỉ chọn một Câu lạc bộ). Biết trường tiểu học đó có tất cả 400 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh yêu thích Câu lạc bộ Múa?

- A. 75 học sinh B. 100 học sinh
C. 80 học sinh D. 90 học sinh



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $5 \text{ giờ } 24 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 36 \text{ phút}$

b) $9 \text{ giờ } 50 \text{ phút} - 2 \text{ giờ } 55 \text{ phút}$

c) $4 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} \times 4$

d) $15 \text{ ngày } 4 \text{ giờ} : 7$

Bài 2. Một bể nước có chiều rộng 3m, chiều dài 4m và sâu 0,8m. Hiện đang chứa $\frac{3}{4}$ lượng nước củabể. Hỏi phải đổ vào bể bao nhiêu lít nước nữa để đầy bể. (Biết $1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ lít}$)**Bài 3.** Quãng đường từ thành phố A đến thành phố B dài 135 km. Một xe máy xuất phát từ A lúc 7 giờ 30 phút với vận tốc 42km/giờ để đi đến B. Hỏi:

a) Lúc 9 giờ xe máy còn cách B bao nhiêu ki-lô-mét?

b) Để đi hết quãng đường còn lại trong 1,5 giờ thì xe máy phải di chuyển với vận tốc bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ?

Bài 4. Người ta ghép tất cả các hình lập phương nhỏ có cạnh 1cm thành một hình lập phương lớn có cạnh bằng 5cm. Hỏi có tất cả bao nhiêu hình lập phương nhỏ?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $7,5 \text{ m}^3 = \dots\dots \text{ dm}^3$ là:

- A. 75 B. 750 C. 7500 D. 75000

Câu 2. Cho hình hộp chữ nhật có chiều dài 15cm, chiều rộng 10cm và chiều cao 8cm. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. 1200 cm^2 B. 120 cm^2 C. 600 cm^2 D. 400 cm^2

Câu 3. Một thửa ruộng hình thang có độ dài đáy bé 20m, đáy lớn dài 40m và chiều cao bằng trung bình cộng độ dài hai đáy. Diện tích của thửa ruộng đó là:

- A. 900 m^2 B. 800 m^2 C. 1000 m^2 D. 1100 m^2

Câu 4. Hồng trả lời đúng 16 câu trong tổng số 20 câu hỏi của bài kiểm tra. Hỏi Hồng đã trả lời đúng bao nhiêu phần trăm các câu hỏi của bài kiểm tra?

- A. 80% B. 85% C. 90% D. 75%

Câu 5. Chu vi của hình tròn có bán kính 5 cm là:

- A. 314 cm B. 31,4 cm C. 78,5 cm D. 50 cm

Câu 6. Thời gian bay dự kiến từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 2 giờ. Một máy bay xuất phát từ sân bay Nội Bài (Hà Nội) lúc 8 giờ 30 phút. Hỏi máy bay hạ cánh ở sân bay Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh) lúc mấy giờ?

- A. 10 giờ B. 10 giờ 30 phút C. 11 giờ D. 11 giờ 30 phút

Câu 7. Một hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông lần lượt là 3cm và 5cm. Diện tích của tam giác vuông đó là:

- A. $7,5 \text{ cm}^2$ B. 15 cm^2 C. 10 cm^2 D. $12,5 \text{ cm}^2$

Câu 8. Lan đi học từ nhà đến trường bằng xe đạp với vận tốc 12 km/giờ , Lan bắt đầu đi từ nhà lúc 6 giờ 45 phút và đến trường lúc 7 giờ. Hỏi quãng đường từ nhà Lan đến trường dài bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 5 km B. 4 km C. 3 km D. 6 km

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $2 \text{ giờ } 18 \text{ phút} + 4 \text{ giờ } 45 \text{ phút}$

b) $5 \text{ năm } 11 \text{ tháng} - 2 \text{ năm } 3 \text{ tháng}$

c) $12 \text{ phút } 8 \text{ giây} \times 4$

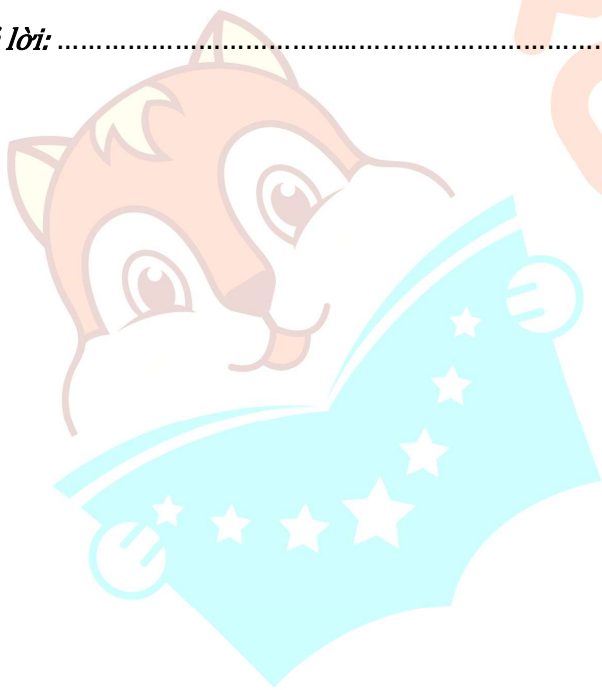
d) $10 \text{ ngày } 3 \text{ giờ} : 9$

Bài 2. Một chiếc thùng tôn không có nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 9dm, chiều rộng 6dm, chiều cao 4dm. Hãy tính diện tích tôn dùng để làm cái thùng đó.

Bài 3. Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B dài 75 km. Một người đi xe máy đi hết quãng đường đó trong 2 giờ. Một người đi ô tô đi hết quãng đường đó trong 1 giờ 30 phút. Hỏi vận tốc của ô tô lớn hơn vận tốc của xe máy là bao nhiêu km/giờ?

Bài 4. Có 64 hình lập phương, mỗi hình có thể tích là 8cm^3 . Xếp 64 hình đó thành một hình lập phương lớn. Hỏi cạnh của hình lập phương lớn có độ dài là bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một hình tròn có chu vi là 37,68 cm. Diện tích của hình tròn đó là:

- A. 113,04 cm² B. 452,16 cm² C. 314 cm² D. 400 cm²

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 dm³ = ... cm³ là:

- A. 50 B. 500 C. 5000 D. 50000

Câu 3. Một thửa ruộng hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông lần lượt là 80m và 60m.

Diện tích của thửa ruộng hình tam giác đó là:

- A. 2000 m² B. 2400 m² C. 4800 m² D. 3600 m²

Câu 4. Một ô tô đi trong 3 giờ với vận tốc không đổi 54km/giờ. Hỏi quãng đường ô tô đi được là bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 108 km B. 162 km C. 175 km D. 200 km

Câu 5. Thể tích của hình lập phương có độ dài cạnh 5cm là:

- A. 100 cm³ B. 110 cm³ C. 125 cm³ D. 115 cm³

Câu 6. Dịp nghỉ hè, bạn Hoa thường làm hoa bằng giấy để bán. Biết trung bình Hoa làm mỗi bông hoa mất 15 phút. Hỏi Hoa làm 10 bông hoa như thế mất bao nhiêu thời gian?

- A. 150 phút B. 100 phút C. 200 phút D. 250 phút

Câu 7. Tìm tỉ số phần trăm của 5 và 20.

- A. 40% B. 50% C. 25% D. 30%

Câu 8. Bạn Mai tung một đồng xu nhiều lần liên tiếp, số lần xuất hiện mặt ngửa là 11 và số lần xuất hiện mặt sấp là số tự nhiên lớn nhất có một chữ số. Viết tỉ số mô tả số lần lặp lại của khả năng mặt sấp xuất hiện so với tổng số lần tung đồng xu.

- A. $\frac{11}{20}$ B. $\frac{9}{11}$ C. $\frac{12}{20}$ D. $\frac{9}{20}$

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $15 \text{ phút } 20 \text{ giây} + 7 \text{ phút } 5 \text{ giây}$

b) $25 \text{ phút } 12 \text{ giây} - 6 \text{ phút } 52 \text{ giây}$

c) $6 \text{ ngày } 3 \text{ giờ} \times 6$

d) $15 \text{ ngày } 4 \text{ giờ} : 7$

Bài 2. Lúc 15 giờ, một người đi xe máy từ Hà Nội về quê với vận tốc 37,5 km/giờ. Đi được 2 giờ, người ấy nghỉ lại 20 phút rồi lại tiếp tục đi quãng đường còn lại với vận tốc 45 km/giờ. Biết quãng đường từ Hà Nội về quê dài 120km. Hỏi người đó về đến quê lúc mấy giờ?

Bài 3. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 4,6 dm, chiều rộng 3,4 dm, chiều cao 2 dm. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó.

Bài 4. Khi đi cùng một quãng đường, nếu tăng vận tốc thêm 25% thì thời gian sẽ giảm đi bao nhiêu phần trăm?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Tỷ số phần trăm của 35 và 50 là:

- A. 0,7% B. 35% C. 70% D. 50%

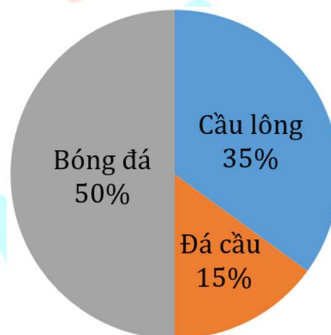
Câu 2. Ngày Giải phóng miền Nam, Thống nhất Đất nước 30/4/1975 thuộc thế kỉ nào?

- A. XVII B. XIX C. XXI D. XX

Câu 3. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm: $7\text{m}^3 10\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$ là:

- A. 7,001 B. 7,01 C. 7,1 D. 7,0001

Câu 4. Biểu đồ bên thống kê số học sinh tham gia các Câu lạc bộ thể thao của một trường tiểu học. Biết tổng số học sinh tham gia các Câu lạc bộ thể thao là 60 học sinh và mỗi học sinh chỉ tham gia một câu lạc bộ. Hỏi có bao nhiêu học sinh tham gia Câu lạc bộ bóng đá?



- A. 30 học sinh B. 21 học sinh
C. 9 học sinh D. 18 học sinh

Câu 5. Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước: 15dm; 4dm; 5dm. Hỏi bể cá đó có thể chứa được tối đa bao nhiêu lít nước?

- A. 300 lít B. 350 lít C. 275 lít D. 375 lít

Câu 6. Trong các vận tốc sau, vận tốc nào lớn nhất?

- A. 810 m/phút B. 0,78 km/phút C. 12,5 m/giây D. 48 km/giờ

Câu 7. Lớp 5A có 35 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh nữ. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh nam?

- A. 15 học sinh B. 17 học sinh C. 14 học sinh D. 21 học sinh

Câu 8. Một hình lập phương có cạnh là 5cm. Thể tích của hình lập phương đó là:

- A. 125 cm^2 B. 125 cm^3 C. 100 cm^3 D. 150 cm^3

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $3 \text{ giờ } 14 \text{ phút} + 2 \text{ giờ } 16 \text{ phút}$

b) $8 \text{ năm } 7 \text{ tháng} - 3 \text{ năm } 4 \text{ tháng}$

c) $14 \text{ phút } 6 \text{ giây} \times 4$

d) $15 \text{ ngày } 11 \text{ giờ} : 7$

Bài 2. Xe lửa đi từ ga A lúc 6 giờ 36 phút. Dọc đường xe lửa nghỉ ở các ga hết 57 phút và đến B lúc 9 giờ 45 phút. Xe lửa chạy với vận tốc 45 km/giờ trên cả quãng đường AB. Tính độ dài quãng đường AB.

Bài 3. Một chiếc bể cá được làm bằng kính và thiết kế dạng hình hộp chữ nhật không có nắp, có chiều dài 15dm, chiều rộng bằng 4dm và chiều cao bằng 5dm. Tính:

a) Diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó.

b) Thể tích của bể cá đó.

Bài 4. Khi xếp một số hình lập phương nhỏ bằng nhau cạnh 1cm, bạn Minh Anh thu được một hình lập phương lớn có thể tích 216cm^3 . Sau đó, bạn Minh Anh lấy ra một hình lập phương nhỏ ở chính giữa mặt trên cùng để được một hình mới. Tính diện tích toàn phần của hình mới.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Một người đi từ A lúc 8 giờ và đến B lúc 10 giờ 35 phút. Giữa đường người đó nghỉ hết 25 phút. Hỏi người đó đi trên quãng đường AB hết bao nhiêu thời gian?

- A. 2 giờ B. 1 giờ 45 phút C. 2 giờ 15 phút D. 2 giờ 10 phút

Câu 2. Giá trị của chữ số 6 trong số thập phân 108,637 là:

- A. 6 B. $\frac{6}{100}$ C. $\frac{6}{10}$ D. $\frac{6}{1000}$

Câu 3. Bản đồ Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình được vẽ theo tỉ lệ 1 : 150 000. Hỏi độ dài 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu mét?

- A. 1000 m B. 150 m C. 1500 m D. 100 m

Câu 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $15 \text{ m}^3 5 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

Câu 5. Hiệu số tuổi giữa mẹ và con là 27. Hiện nay tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi mẹ. Tuổi mẹ hiện nay là:

- A. 30 tuổi B. 35 tuổi C. 45 tuổi D. 40 tuổi

Câu 6. Một ô tô đi quãng đường AB dài 120km hết 2 giờ. Vận tốc của ô tô là:

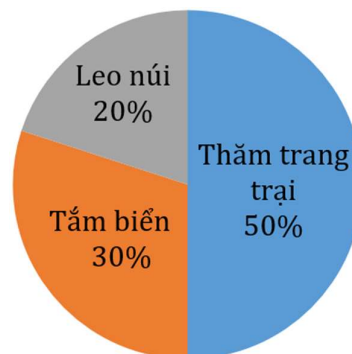
- A. 50 km/giờ B. 60 km/giờ C. 55 km/giờ D. 45 km/giờ

Câu 7. Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 14cm, chiều rộng 6cm và chiều cao 10cm.

- A. 400 cm^2 B. 840 cm^2 C. 600 cm^2 D. 640 cm^2

Câu 8. Kết quả khảo sát về hoạt động dã ngoại yêu thích của 100 học sinh được cho trong biểu đồ hình quạt tròn dưới đây (mỗi học sinh chỉ chọn 1 hoạt động). Hãy cho biết có bao nhiêu học sinh thích leo núi?

- A. 20 học sinh B. 30 học sinh
C. 50 học sinh D. 40 học sinh



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $2 \text{ giờ } 55 \text{ phút} + 1 \text{ giờ } 5 \text{ phút}$

b) $10 \text{ giờ } 20 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 10 \text{ phút}$

c) $4 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \times 3$

d) $9 \text{ ngày } 12 \text{ giờ} : 4$

Bài 2. Lúc 8 giờ bác Huy điều khiển một ô tô đi từ Hà Nội đến Thanh Hóa với vận tốc 50 km/giờ. Đi được 100km, xe hỏng nên bác Huy phải dừng lại sửa mất 30 phút. Quãng đường còn lại, xe chỉ chạy với vận tốc 40km/giờ. Hỏi bác Huy đến Thanh Hóa lúc mấy giờ? Biết quãng đường từ thành phố Hà Nội đến Thanh Hóa dài 150 km.

Bài 3. Một chiếc bể cá được làm bằng kính và thiết kế dạng hình hộp chữ nhật không có nắp. Có chiều dài 15dm, chiều rộng bằng 4dm và chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hãy tính diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó.

Bài 4. Khi gấp cạnh của hình lập phương lên 3 lần thì thể tích của hình lập phương đó sẽ gấp lên bao nhiêu lần?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Bác Hồ sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890. Hỏi Bác Hồ được sinh ra vào thế kỉ nào?

- A. XVIII B. XIX C. XX D. XXI

Câu 2. Diện tích xung quanh của hình lập phương cạnh 5dm là:

- A. 75 dm² B. 80 dm² C. 100 dm² D. 125 dm²

Câu 3. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm để $17,435 \text{ m}^3 + 818 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$ là:

- A. 18,352 B. 18,253 C. 18,818 D. 19,253

Câu 4. 25% của 1 tạ là:

- A. 25kg B. 50kg C. 30kg D. 35kg

Câu 5. Giá trị chữ số 8 trong số thập phân 75,186 là:

- A. $\frac{8}{1000}$ B. $\frac{8}{10}$ C. $\frac{8}{100}$ D. $\frac{8}{10000}$

Câu 6. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000 000, quãng đường cao tốc Bắc – Nam đo được là 18cm. Trên thực tế, quãng đường cao tốc Bắc – Nam dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?

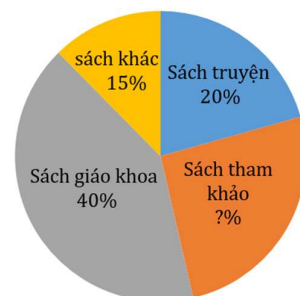
- A. 1800km B. 1900km C. 2100km D. 2000km

Câu 7. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 2,5m, chiều rộng 12dm, chiều cao 10dm. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật đó.

- A. 3000 dm³ B. 300 dm³ C. 3000 m³ D. 290 dm³

Câu 8. Biểu đồ hình quạt tròn bên cho biết tỉ lệ các loại sách ở thư viện một trường học. Quan sát biểu đồ và cho biết sách tham khảo chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số sách ở thư viện?

- A. 30% B. 25%
C. 35% D. 45%



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $10 \text{ giờ } 35 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 40 \text{ phút}$

b) $12 \text{ phút } 45 \text{ giây} - 6 \text{ phút } 30 \text{ giây}$

c) $5 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} \times 4$

d) $7 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} : 2$

Bài 2. Một ô tô dự định đi quãng đường dài 290 km trong 5 giờ. Trong 2 giờ đầu ô tô đi với vận tốc 55 km/giờ. Hỏi để đến đúng thời gian như dự định, ô tô phải đi tiếp quãng đường còn lại với vận tốc là bao nhiêu?

Bài 3. Người ta quét vôi một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 9m, chiều rộng 4m, chiều cao 3,5m. Diện tích các cửa là 6,6 m². Tính diện tích cần quét vôi. Biết rằng người ta chỉ quét phía trong căn phòng và trần nhà.

Bài 4. Hai khối rubik hình lập phương có cùng chất liệu nhưng kích thước gấp nhau 2 lần. Khối rubik lớn nặng hơn khối rubik nhỏ là 0,84kg. Tính khối lượng khối rubik lớn.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một ô tô đi với vận tốc 50 km/giờ. Quãng đường ô tô đi được trong 2 giờ là:

- A. 50 km B. 80 km C. 75 km D. 100 km

Câu 2. Trong 100kg nước biển có 3,5 kg muối. Tỷ số phần trăm của lượng muối trong nước biển là:

- A. 3,5% B. 5% C. 2,5% D. 3%

Câu 3. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 2,5m, chiều rộng 12dm, chiều cao 10dm. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật đó.

- A. 3 m³ B. 300 dm³ C. 740 dm³ D. 300 m³

Câu 4. Trong một trò chơi ném phi tiêu, mỗi người chơi được ném 5 lần. Hùng đã ném trúng 2 lần vào hồng tâm. Tỷ số của số lần Hùng ném trúng vào hồng tâm so với tổng số lần ném là:

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{2}{7}$

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $4 \text{ dm}^3 3 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$ là:

- A. 43 B. 430 C. 4300 D. 4003

Câu 6. Năm 938 Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, năm đó thuộc thế kỷ nào?

- A. IX B. X C. XI D. VIII

Câu 7. Một thửa ruộng hình thang, có tổng độ dài 2 đáy 50m và chiều cao là 20m. Hỏi diện tích của thửa ruộng đó là bao nhiêu mét vuông?

- A. 500 m² B. 550 m² C. 600 m² D. 650 m²

Câu 8. Nam đi từ nhà đến trường hết 20 phút. Để có mặt ở trường lúc 7 giờ 15 phút, Nam cần xuất phát từ nhà lúc:

- A. 7 giờ B. 6 giờ 57 phút C. 6 giờ 55 phút D. 7 giờ 5 phút

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $12 \text{ phút } 45 \text{ giây} + 3 \text{ phút } 25 \text{ giây}$

b) $7 \text{ giờ } 35 \text{ phút} - 4 \text{ giờ } 40 \text{ phút}$

c) $4 \text{ ngày } 8 \text{ giờ} \times 3$

d) $11 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} : 5$

Bài 2. Một ô tô dự định đi từ Lào Cai đến Hà Nội trong 5 giờ. Trong 2 giờ đầu ô tô đi với vận tốc 50 km/giờ. Để đến Hà Nội đúng thời gian dự định nên ô tô đã đi quãng đường còn lại với vận tốc 60 km/giờ. Hỏi quãng đường ô tô đi từ Lào Cai đến Hà Nội dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 3. Người ta đóng các hộp sữa theo từng lốc, mỗi lốc có 4 hộp cứ 12 lốc xếp được một thùng. Mỗi hộp sữa có thể tích là $0,18 \text{ dm}^3$. Hỏi thùng sữa có thể tích là bao nhiêu đề-xi-mét khối? (Biết thể tích giữa các khe và bề dày vỏ thùng là không đáng kể)

Bài 4. Một hình lập phương có số đo diện tích xung quanh bằng số đo thể tích của hình đó. Nếu đơn vị đo cạnh là đề-xi-mét thì hình lập phương đó có diện tích toàn phần là bao nhiêu?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một con chim bồ câu bay quãng đường dài 12km trong 15 phút. Hỏi vận tốc của con chim đó là bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ?

- A. 40 km/giờ B. 45 km/giờ C. 48 km/giờ D. 50 km/giờ

Câu 2. Một tiết học bắt đầu lúc 7 giờ 30 phút và kéo dài trong 45 phút. Hỏi tiết học đó kết thúc lúc mấy giờ?

- A. 8 giờ 15 phút B. 8 giờ 10 phút C. 8 giờ 5 phút D. 8 giờ 20 phút

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $12,07 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$ là:

- A. 1207 B. 120,7 C. 120,07 D. 12070

Câu 4. Thông thường, tỉ số phần trăm nước trong dưa hấu là 91,5%. Lượng nước có trong 4 kg dưa hấu là:

- A. 3,55 kg B. 3,66 kg C. 3,65 kg D. 3,56 kg

Câu 5. Trong một thí nghiệm về sự cân đối của xúc xắc, một bạn đã tung một con xúc xắc 15 lần liên tiếp. Trong đó, thống kê được rằng có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm. Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là:

- A. $\frac{4}{15}$ B. $\frac{7}{15}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{9}{15}$

Câu 6. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật có chiều dài 8 cm, chiều rộng 4 cm, chiều cao 5 cm.

- A. 150 cm^3 B. 120 cm^3 C. 160 cm^3 D. 140 cm^3

Câu 7. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế năm 968, năm đó thuộc thế kỉ bao nhiêu?

- A. X B. IX C. XII D. XI

Câu 8. Một hình lập phương có diện tích toàn phần là 54 cm^2 . Diện tích một mặt của hình lập phương đó là:

- A. 27 cm^2 B. 36 cm^2 C. 9 cm^2 D. 18 cm^2

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $6 \text{ phút } 35 \text{ giây} + 4 \text{ phút } 25 \text{ giây}$

b) $40 \text{ ngày } 3 \text{ giờ} - 22 \text{ ngày } 17 \text{ giờ}$

c) $3 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \times 5$

d) $25 \text{ phút } 55 \text{ giây} : 5$

Bài 2. Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 50 km/giờ. Tính khoảng cách giữa hai tỉnh A, B.

Bài 3. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật có chu vi đáy 56 cm, chiều cao 8cm, chiều dài hơn chiều rộng 4 cm.

Bài 4. Thuốc được đóng gói trong các hộp hình hộp chữ nhật. Sau đó xếp vào các thùng có mỗi cạnh gấp 5 lần mỗi cạnh tương ứng của hộp đựng thuốc. Tính số hộp thuốc được xếp trong mỗi thùng.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Kăng-gu-ru có thể di chuyển với vận tốc 14m/giây. Tính quãng đường di chuyển của kăng-gu-ru trong 1 phút.

- A. 700 m B. 760 m C. 800 m D. 840 m

Câu 2. Số đo thể tích nào sau đây là lớn nhất?

- A. 7,3 m³ B. 730 dm³ C. 73 dm³ D. 73000 cm³

Câu 3. Trong bài kiểm tra cuối kì môn thể dục, lớp 5A mỗi bạn ném tối đa 10 quả bóng vào rổ. Trung ném trượt 3 quả và vào 7 quả. Tỷ số của số lần xảy ra sự kiện ném trúng và tổng số lần ném của Trung là:

- A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{3}$

Câu 4. Mùa thu năm Canh Tuất (1010), Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

- A. X B. IX C. XII D. XI

Câu 5. Thời gian làm một bài kiểm tra là 40 phút và được bắt đầu lúc 7 giờ 30 phút. Bài kiểm tra đó kết thúc lúc mấy giờ?

- A. 8 giờ B. 8 giờ 10 phút C. 8 giờ 15 phút D. 8 giờ 5 phút

Câu 6. Lớp 5A có 30 học sinh, trong đó có 18 học sinh nam. Tỷ số phần trăm của số học sinh nam và số học sinh của lớp 5A là:

- A. 60% B. 65% C. 55% D. 50%

Câu 7. Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 36 cm². Diện tích một mặt của hình lập phương đó là:

- A. 6 cm² B. 9 cm² C. 12 cm² D. 18 cm²

Câu 8. Thể tích của hình lập phương có độ dài cạnh 6cm là:

- A. 200 cm³ B. 216 cm³ C. 144 cm³ D. 244 cm³

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $4 \text{ giờ } 27 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 35 \text{ phút}$

b) $15 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} - 7 \text{ ngày } 11 \text{ giờ}$

c) $4 \text{ phút } 23 \text{ giây} \times 5$

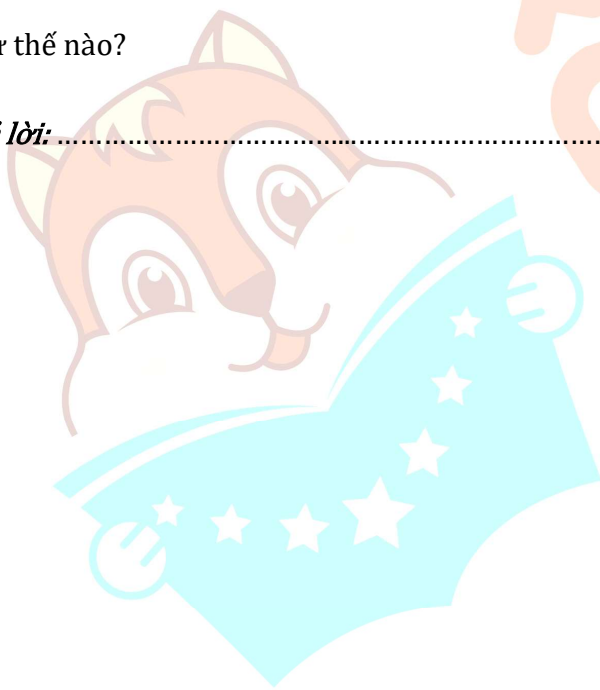
d) $19 \text{ ngày } 3 \text{ giờ} : 9$

Bài 2. Trên quãng đường AB, một xe máy đi với vận tốc 30 km/giờ thì mất 1 giờ 30 phút. Hỏi nếu một ô tô cũng đi từ A đến B với vận tốc gấp đôi xe máy thì hết bao nhiêu thời gian?

Bài 3. Một chiếc bể cá được làm bằng kính và được thiết kế dạng hình hộp chữ nhật không có nắp, có chiều dài 15dm, chiều rộng bằng 4dm và chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hãy tính diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó.

Bài 4. Khi tăng cạnh của hình lập phương thêm 20% thì thể tích của hình lập phương đó sẽ thay đổi như thế nào?

Trả lời:



B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)*Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	C	A	C	50	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a) 5 giờ 24 phút + 7 giờ 36 phút

b) 9 giờ 50 phút – 2 giờ 55 phút

c) 4 ngày 6 giờ $\times$ 4

d) 15 ngày 4 giờ : 7

Lời giảia) 5 giờ 24 phút + 7 giờ 36 phút = **13 giờ**b) 9 giờ 50 phút – 2 giờ 55 phút = **6 giờ 55 phút**c) 4 ngày 6 giờ $\times$ 4 = **17 ngày**d) 15 ngày 4 giờ : 7 = **2 ngày 4 giờ**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Một bể nước có chiều rộng 3m, chiều dài 4m và sâu 0,8m. Hiện đang chứa $\frac{3}{4}$ lượng nước của bể. Hỏi phải đổ vào bể bao nhiêu lít nước nữa để đầy bể? (Biết $1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ lít}$)

Lời giảiThể tích của bể nước đó là: $3 \times 4 \times 0,8 = 9,6 \text{ (m}^3\text{)}$.Đổi: $9,6 \text{ m}^3 = 9600 \text{ dm}^3 = 9600 \text{ lít}$.Lượng nước hiện có trong bể là: $9600 \times \frac{3}{4} = 7200 \text{ (lít)}$.Cần phải đổ thêm số lít nước nữa để đầy bể là: $9600 - 7200 = 2400 \text{ (lít)}$

Đáp số: 2400 lít.

Bài 3. (2 điểm) Quãng đường từ thành phố A đến thành phố B dài 135 km. Một xe máy xuất phát từ A lúc 7 giờ 30 phút với vận tốc 42km/giờ để đi đến B. Hỏi:

- a) Lúc 9 giờ xe máy còn cách B bao nhiêu ki-lô-mét?
b) Để đi hết quãng đường còn lại trong 1,5 giờ thì xe máy phải di chuyển với vận tốc bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ?

Lời giải

a) Thời gian xe máy đã đi là: 9 giờ – 7 giờ 30 phút = 1 giờ 30 phút.

Đổi: 1 giờ 30 phút = 1,5 giờ.

Quãng đường xe máy đã đi được là: $42 \times 1,5 = 63$ (km)

Lúc 9 giờ xe máy cách B số ki-lô-mét là: $135 - 63 = 72$ (km)

b) Quãng đường còn lại xe máy phải di chuyển với vận tốc: $72 : 1,5 = 48$ (km/giờ)

Đáp số: a) 72 km b) 48 km/giờ.

Bài 4. (0,5 điểm) Người ta ghép tất cả các hình lập phương nhỏ có cạnh 1cm thành một hình lập phương lớn có cạnh bằng 5cm. Hỏi có tất cả bao nhiêu hình lập phương nhỏ?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 125 hình lập phương nhỏ.

Hình lập phương nhỏ có cạnh 1cm có thể tích là 1cm^3 .

Thể tích của hình lập phương lớn là: $5 \times 5 \times 5 = 125$ (cm^3)

Có tất cả số hình lập phương nhỏ là: $125 : 1 = 125$ (hình lập phương nhỏ)

Đáp số: 125 hình lập phương nhỏ.

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)*Mỗi câu đúng được 0,5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	A	A	B	B	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a) 2 giờ 18 phút + 4 giờ 45 phút

b) 5 năm 11 tháng – 2 năm 3 tháng

c) 12 phút 8 giây $\times$ 4

d) 10 ngày 3 giờ : 9

Lời giảia) 2 giờ 18 phút + 4 giờ 45 phút = **7 giờ 3 phút**b) 5 năm 11 tháng – 2 năm 3 tháng = **3 năm 8 tháng**c) 12 phút 8 giây $\times$ 4 = **48 phút 32 giây**d) 10 ngày 3 giờ : 9 = **1 ngày 3 giờ***(HS tự đặt tính rồi tính)***Bài 2. (1,5 điểm)** Một chiếc thùng tôn không có nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 9dm, chiều rộng 6dm, chiều cao 4dm. Hãy tính diện tích tôn dùng để làm cái thùng đó.**Lời giải**

Diện tích xung quanh của thùng tôn đó là:

$$(9 + 6) \times 2 \times 4 = 120 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích đáy của chiếc thùng tôn đó là:

$$9 \times 6 = 54 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích tôn cần dùng để làm chiếc thùng tôn đó là:

$$120 + 54 = 174 \text{ (dm}^2\text{)}.$$

Đáp số: 174 dm².

Bài 3. (2 điểm) Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B dài 75 km. Một người đi xe máy đi hết quãng đường đó trong 2 giờ. Một người đi ô tô đi hết quãng đường đó trong 1 giờ 30 phút. Hỏi vận tốc của ô tô lớn hơn vận tốc của xe máy là bao nhiêu km/giờ?

Lời giải

Đổi: 1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

Vận tốc của xe máy là: $75 : 2 = 37,5$ (km/giờ)

Vận tốc của ô tô là: $75 : 1,5 = 50$ (km/giờ)

Vận tốc của ô tô lớn hơn vận tốc của xe máy là: $50 - 37,5 = 12,5$ (km/giờ)

Đáp số: 12,5 km/giờ.

Bài 4. (0,5 điểm) Có 64 hình lập phương, mỗi hình có thể tích là 8cm^3 . Xếp 64 hình đó thành một hình lập phương lớn. Hỏi cạnh của hình lập phương lớn có độ dài là bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 8 cm.

Thể tích của hình lập phương lớn là: $8 \times 64 = 512$ (cm^3)

Vì $512 = 8 \times 8 \times 8$ nên hình lập phương lớn có cạnh dài 8cm.

Vậy độ dài của hình lập phương lớn là 8 cm.

ĐỀ SỐ 3 SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	B	C	A	C	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 15 phút 20 giây + 7 phút 5 giây

b) 25 phút 12 giây – 6 phút 52 giây

c) 6 ngày 3 giờ $\times$ 6

d) 15 ngày 4 giờ : 7

Lời giải

a) 15 phút 20 giây + 7 phút 5 giây = **22 phút 25 giây**

b) 25 phút 12 giây – 6 phút 52 giây = **18 phút 20 giây**

c) 6 ngày 3 giờ $\times$ 6 = **36 ngày 18 giờ**

d) 15 ngày 4 giờ : 7 = **2 ngày 4 giờ**.

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (2 điểm) Lúc 15 giờ, một người đi xe máy từ Hà Nội về quê với vận tốc 37,5 km/giờ. Đi được 2 giờ, người ấy nghỉ lại 20 phút rồi lại tiếp tục đi quãng đường còn lại với vận tốc 45 km/giờ. Biết quãng đường từ Hà Nội về quê dài 120 km. Hỏi người đó về đến quê lúc mấy giờ?

Lời giải

Quãng đường người đó đi được trong 2 giờ đầu là:

$$37,5 \times 2 = 75 \text{ (km)}$$

Quãng đường còn lại người đó phải đi là:

$$120 - 75 = 45 \text{ (km)}$$

Thời gian người đó đi quãng đường còn lại là:

$$45 : 45 = 1 \text{ (giờ)}$$

Người đó về đến quê lúc:

$$15 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} + 20 \text{ phút} + 1 \text{ giờ} = 18 \text{ giờ } 20 \text{ phút.}$$

Đáp số: 18 giờ 20 phút.

Bài 3. (1,5 điểm) Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 4,6 dm, chiều rộng 3,4 dm, chiều cao 2 dm. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó.

Lời giải

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là: $(4,6 + 3,4) \times 2 \times 2 = 32 \text{ (dm}^2\text{)}$.

Diện tích 2 đáy của hình hộp chữ nhật đó là: $4,6 \times 3,4 \times 2 = 31,28 \text{ (dm}^2\text{)}$.

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là: $32 + 31,28 = 63,28 \text{ (dm}^2\text{)}$.

Đáp số: Diện tích xung quanh: 32 dm^2 ;

Diện tích toàn phần: $63,28 \text{ dm}^2$.

Bài 4. (0,5 điểm) Khi đi cùng một quãng đường, nếu tăng vận tốc thêm 25% thì thời gian sẽ giảm đi bao nhiêu phần trăm?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Thời gian sẽ giảm đi: 20%.

Nếu tăng vận tốc thêm 25% ta được vận tốc mới bằng: $100\% + 25\% = 125\%$ (vận tốc ban đầu).

Do đó, vận tốc mới bằng $125\% = \frac{5}{4}$ vận tốc ban đầu.

Trên cùng một quãng đường, vận tốc tăng lên (hoặc giảm đi) bao nhiêu lần thì thời gian giảm đi (hoặc tăng lên) bấy nhiêu lần nên:

Thời gian mới bằng $\frac{4}{5} = 80\%$ thời gian ban đầu.

Thời gian mới giảm so với thời gian ban đầu là: $100\% - 80\% = 20\%$ (thời gian ban đầu).

Vậy, khi đi cùng một quãng đường, nếu tăng vận tốc thêm 25% thì thời gian sẽ giảm đi 20%.

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)*Mỗi câu đúng được 0,5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	B	A	A	A	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a) 3 giờ 14 phút + 2 giờ 16 phút

b) 8 năm 7 tháng – 3 năm 4 tháng

c) 14 phút 6 giây $\times$ 4

d) 15 ngày 11 giờ : 7

Lời giảia) 3 giờ 14 phút + 2 giờ 16 phút = **5 giờ 30 phút**b) 8 năm 7 tháng – 3 năm 4 tháng = **5 năm 3 tháng**c) 14 phút 6 giây $\times$ 4 = **56 phút 24 giây**d) 15 ngày 11 giờ : 7 = **2 ngày 5 giờ.***(HS tự đặt tính rồi tính)***Bài 2. (1,5 điểm)** Xe lửa đi từ ga A lúc 6 giờ 36 phút. Dọc đường xe lửa nghỉ ở các ga hết 57 phút và đến B lúc 9 giờ 45 phút. Xe lửa chạy với vận tốc 45 km/giờ trên cả quãng đường AB. Tính độ dài quãng đường AB.**Lời giải**

Thời gian xe lửa đi từ ga A đến B (không tính thời gian nghỉ) là:

$$9 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 36 \text{ phút} - 57 \text{ phút} = 2 \text{ giờ } 12 \text{ phút}$$

Đổi: 2 giờ 12 phút = 2,2 giờ.

Độ dài quãng đường AB là: $45 \times 2,2 = 99 \text{ (km)}$

Đáp số: 99 km.

Bài 3. (2 điểm) Một chiếc bể cá được làm bằng kính và thiết kế dạng hình hộp chữ nhật không có nắp, có chiều dài 15dm, chiều rộng bằng 4dm và chiều cao bằng 5dm. Tính:

a) Diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó.

b) Thể tích của bể cá đó.

Lời giải

a) Diện tích xung quanh của bể cá đó là: $(15 + 4) \times 2 \times 5 = 190 \text{ (dm}^2\text{)}$.

Diện tích đáy của bể cá đó là: $15 \times 4 = 60 \text{ (dm}^2\text{)}$.

Diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó là: $190 + 60 = 250 \text{ (dm}^2\text{)}$.

b) Thể tích của chiếc bể cá đó là: $15 \times 4 \times 5 = 300 \text{ (dm}^3\text{)}$.

Đáp số: a) 250 dm^2 ; b) 300 dm^3 .

Bài 4. (0,5 điểm) Khi xếp một số hình lập phương nhỏ bằng nhau cạnh 1cm, bạn Minh Anh thu được một hình lập phương lớn có thể tích 216 cm^3 . Sau đó, bạn Minh Anh lấy ra một hình lập phương nhỏ ở chính giữa mặt trên cùng để được một hình mới. Tính diện tích toàn phần của hình mới.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 220 cm^2

Vì $6 \times 6 \times 6 = 216$ nên cạnh của hình lập phương lớn là 6cm.

Diện tích toàn phần của hình lập phương lớn là:

$$6 \times 6 \times 6 = 216 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Khi lấy ra một hình lập phương nhỏ ở chính giữa mặt trên cùng thì được một hình mới có diện tích toàn phần tăng lên so với hình lập phương lớn là diện tích 4 mặt của hình lập phương nhỏ.

Diện tích toàn phần của hình mới là: $216 + 1 \times 1 \times 4 = 220 \text{ (cm}^2\text{)}$.

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)*Mỗi câu đúng được 0,5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	C	15,005	C	B	A	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a) 2 giờ 55 phút + 1 giờ 5 phút

b) 10 giờ 20 phút – 7 giờ 10 phút

c) 4 giờ 15 phút $\times$ 3

d) 9 ngày 12 giờ : 4

Lời giảia) 2 giờ 55 phút + 1 giờ 5 phút = **4 giờ**b) 10 giờ 20 phút – 7 giờ 10 phút = **3 giờ 10 phút**c) 4 giờ 15 phút $\times$ 3 = **12 giờ 45 phút**d) 9 ngày 12 giờ : 4 = **2 ngày 9 giờ.***(HS tự đặt tính rồi tính)*

Bài 2. (2 điểm) Lúc 8 giờ bác Huy điều khiển một ô tô đi từ Hà Nội đến Thanh Hóa với vận tốc 50 km/giờ. Đi được 100km, xe hỏng nên bác Huy phải dừng lại sửa mất 30 phút. Quãng đường còn lại, xe chỉ chạy với vận tốc 40km/giờ. Hỏi bác Huy đến Thanh Hóa lúc mấy giờ biết quãng đường từ thành phố Hà Nội đến Thanh Hóa dài 150 km.

Lời giảiThời gian bác Huy đi 100 km đầu là: $100 : 50 = 2$ (giờ)Quãng đường còn lại bác Huy đi với vận tốc 40 km/giờ là: $150 - 100 = 50$ (km)Thời gian bác Huy đi quãng đường còn lại là: $50 : 40 = 1,25$ (giờ)

Đổi: 1,25 giờ = 1 giờ 15 phút.

Bác Huy đến Thanh Hóa lúc: 8 giờ + 2 giờ + 30 phút + 1 giờ 15 phút = 11 giờ 45 phút

Đáp số: 11 giờ 45 phút.

Bài 3. (1,5 điểm) Một chiếc bể cá được làm bằng kính và thiết kế dạng hình hộp chữ nhật không có nắp.

Có chiều dài 15dm, chiều rộng bằng 4dm và chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hãy tính diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó.

Lời giải

Chiều cao của chiếc bể cá đó là: $15 \times \frac{1}{3} = 5$ (dm)

Diện tích xung quanh của chiếc bể cá là: $(15 + 4) \times 2 \times 5 = 190$ (dm²)

Diện tích đáy của chiếc bể cá đó là: $15 \times 4 = 60$ (dm²)

Diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó là: $190 + 60 = 250$ (dm²)

Đáp số: 250 dm².

Bài 4. (0,5 điểm) Khi gấp cạnh của hình lập phương lên 3 lần thì thể tích của hình lập phương đó sẽ gấp lên bao nhiêu lần?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Gấp lên 27 lần.

Gọi a là cạnh của hình lập phương.

Nếu gấp cạnh của hình lập phương lên 3 lần thì được hình lập phương mới có cạnh là: $a \times 3$.

Thể tích hình lập phương lúc đầu: $a \times a \times a$.

Thể tích hình lập phương mới là: $a \times 3 \times a \times 3 \times a \times 3 = (a \times a \times a) \times 27$.

Vậy nếu gấp cạnh hình lập phương lên 3 lần thì thể tích của hình lập phương đó tăng gấp 27 lần.

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)*Mỗi câu đúng được 0,5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	A	C	A	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a) $10 \text{ giờ } 35 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 40 \text{ phút}$

b) $12 \text{ phút } 45 \text{ giây} - 6 \text{ phút } 30 \text{ giây}$

c) $5 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} \times 4$

d) $7 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} : 2$

Lời giải

a) $10 \text{ giờ } 35 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 40 \text{ phút} = 18 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$

b) $12 \text{ phút } 45 \text{ giây} - 6 \text{ phút } 30 \text{ giây} = 6 \text{ phút } 15 \text{ giây}$

c) $5 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} \times 4 = 21 \text{ ngày}$

d) $7 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} : 2 = 3 \text{ ngày } 15 \text{ giờ.}$

*(HS tự đặt tính rồi tính)***Bài 2. (2 điểm)** Một ô tô dự định đi quãng đường dài 290 km trong 5 giờ. Trong 2 giờ đầu ô tô đi với vận tốc 55 km/giờ. Hỏi để đến đúng thời gian như dự định, ô tô phải đi tiếp quãng đường còn lại với vận tốc là bao nhiêu?**Lời giải**

Quãng đường ô tô đi được trong 2 giờ đầu là: $55 \times 2 = 110 \text{ (km)}$

Quãng đường còn lại ô tô phải đi là: $290 - 110 = 180 \text{ (km)}$

Thời gian ô tô phải đi trên quãng đường dài 180km là: $5 - 2 = 3 \text{ (giờ)}$

Để đến đúng thời gian như dự định, ô tô phải đi quãng đường còn lại với vận tốc là:

$$180 : 3 = 60 \text{ (km/giờ)}$$

Đáp số: 60 km/giờ.

Bài 3. (1,5 điểm) Người ta quét vôi một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 9m, chiều rộng 4m, chiều cao 3,5m. Diện tích các cửa là 6,6 m². Tính diện tích cần quét vôi. Biết rằng người ta chỉ quét phía trong căn phòng và trần nhà.

Lời giải

Diện tích xung quanh của căn phòng là: $(9 + 4) \times 2 \times 3,5 = 91 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích trần nhà là: $9 \times 4 = 36 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích cần quét vôi là: $91 + 36 - 6,6 = 120,4 \text{ (m}^2\text{)}$.

Đáp số: 120,4 m².

Bài 4. (0,5 điểm) Hai khối rubik hình lập phương có cùng chất liệu nhưng kích thước gấp nhau 2 lần. Khối rubik lớn nặng hơn khối rubik nhỏ là 0,84kg. Tính khối lượng khối rubik lớn.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời:

Giả sử khối rubik nhỏ có cạnh là a.

Khối rubik lớn sẽ có cạnh là $a \times 2$.

Thể tích của khối rubik nhỏ là: $a \times a \times a$.

Thể tích của khối rubik lớn là $a \times 2 \times a \times 2 \times a \times 2 = (a \times a \times a) \times 2 \times 2 \times 2 = (a \times a \times a) \times 8$.

Ta thấy thể tích của khối rubik lớn gấp 8 lần thể tích của khối rubik nhỏ, coi thể tích của khối rubik nhỏ là 1 phần thì thể tích của khối rubik lớn là 8 phần như thế.

Vì thể tích khối rubik lớn gấp 8 lần thể tích khối rubik nhỏ nên khối lượng khối rubik lớn gấp 8 lần khối lượng khối rubik nhỏ.

Hiệu số phần bằng nhau là: $8 - 1 = 7$ (phần bằng nhau)

Khối lượng của khối rubik lớn là: $0,84 : 7 \times 8 = 0,96 \text{ (kg)}$.

Đáp số: 0,96 kg.

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	A	C	D	B	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 12 phút 45 giây + 3 phút 25 giây

b) 7 giờ 35 phút – 4 giờ 40 phút

c) 4 ngày 8 giờ $\times$ 3

d) 11 ngày 6 giờ : 5

Lời giải

a) 12 phút 45 giây + 3 phút 25 giây = **16 phút 10 giây**

b) 7 giờ 35 phút – 4 giờ 40 phút = **2 giờ 55 phút**

c) 4 ngày 8 giờ $\times$ 3 = **13 ngày**

d) 11 ngày 6 giờ : 5 = **2 ngày 6 giờ.**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (2 điểm) Một ô tô dự định đi từ Lào Cai đến Hà Nội trong 5 giờ. Trong 2 giờ đầu ô tô đi với vận tốc 50 km/giờ. Để đến Hà Nội đúng thời gian dự định nên ô tô đã đi quãng đường còn lại với vận tốc 60 km/giờ. Hỏi quãng đường ô tô đi từ Lào Cai đến Hà Nội dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Lời giải

Quãng đường ô tô đi được trong 2 giờ đầu là:

$$2 \times 50 = 100 \text{ (km)}$$

Thời gian ô tô phải đi trên quãng đường còn lại là:

$$5 - 2 = 3 \text{ (giờ)}$$

Quãng đường còn lại ô tô phải đi là:

$$60 \times 3 = 180 \text{ (km)}$$

Quãng đường ô tô đi từ Lào Cai đến Hà Nội là:

$$100 + 180 = 280 \text{ (km)}$$

Đáp số: 280 km.

Bài 3. (1,5 điểm) Người ta đóng các hộp sữa theo từng lốc, mỗi lốc có 4 hộp cứ 12 lốc xếp được một thùng. Mỗi hộp sữa có thể tích là $0,18 \text{ dm}^3$. Hỏi thùng sữa có thể tích là bao nhiêu đề-xi-mét khối? (Biết thể tích giữa các khe và bề dày vỏ thùng là không đáng kể)

Lời giải

Một thùng có số hộp sữa là: $4 \times 12 = 48$ (hộp)

Thể tích của thùng sữa đó là: $0,18 \times 48 = 8,64 \text{ (dm}^3\text{)}.$

Đáp số: $8,64 \text{ dm}^3$.

Bài 4. (0,5 điểm) Một hình lập phương có số đo diện tích xung quanh bằng số đo thể tích của hình đó. Nếu đơn vị đo cạnh là đề-xi-mét thì hình lập phương đó có diện tích toàn phần là bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 96 dm^2 .

Giả sử hình lập phương có số đo cạnh là $a \text{ (dm)}$.

Diện tích xung quanh của hình lập phương đó là: $a \times a \times 4 \text{ (dm}^2\text{)}.$

Thể tích của hình lập phương đó là: $a \times a \times a \text{ (dm}^3\text{)}.$

Vì hình lập phương đó có số đo diện tích xung quanh bằng số đo thể tích nên ta có:

$a \times a \times 4 = a \times a \times a$, do đó $a = 4 \text{ (dm)}$.

Diện tích toàn phần của hình lập phương đó là: $4 \times 4 \times 6 = 96 \text{ (dm}^2\text{)}.$

Đáp số: 96 dm^2 .

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	D	B	B	C	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 6 phút 35 giây + 4 phút 25 giây

b) 40 ngày 3 giờ – 22 ngày 17 giờ

c) 3 giờ 15 phút $\times$ 5

d) 25 phút 55 giây : 5

Lời giải

a) 6 phút 35 giây + 4 phút 25 giây = **11 phút**

b) 40 ngày 3 giờ – 22 ngày 17 giờ = **17 ngày 10 giờ**

c) 3 giờ 15 phút $\times$ 5 = **16 giờ 15 phút**

d) 25 phút 55 giây : 5 = **5 phút 11 giây**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 50 km/giờ. Tính khoảng cách giữa hai tỉnh A, B.

Lời giải

Thời gian ô tô đã đi là: 10 giờ 45 phút – 6 giờ 15 phút = 4 giờ 30 phút

Đổi 4 giờ 30 phút = 4,5 giờ

Khoảng cách giữa hai tỉnh A, B là: $50 \times 4,5 = 225$ (km)

Đáp số: 225 km.

Bài 3. (2 điểm) Tính thể tích của hình hộp chữ nhật có chu vi đáy 56 cm, chiều cao 8cm, chiều dài hơn chiều rộng 4 cm.

Lời giải

Nửa chu vi đáy của hình hộp chữ nhật là: $56 : 2 = 28$ (cm)

Chiều dài của hình hộp chữ nhật là: $(28 + 4) : 2 = 16$ (cm)

Chiều rộng của hình hộp chữ nhật là: $28 - 16 = 12$ (cm)

Thể tích của hình hộp chữ nhật đó là: $16 \times 12 \times 8 = 1536$ (cm³)

Đáp số: 1536 cm³.

Bài 4. (0,5 điểm) Thuốc được đóng gói trong các hộp hình chữ nhật. Sau đó xếp vào các thùng có mỗi cạnh gấp 5 lần mỗi cạnh tương ứng của hộp đựng thuốc. Tính số hộp thuốc được xếp trong mỗi thùng.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 125 hộp thuốc.

Giả sử hộp thuốc có độ dài các cạnh lần lượt là a, b, c .

Thể tích của một hộp thuốc là: $a \times b \times c$.

Độ dài các cạnh của thùng thuốc lần lượt là $a \times 5, b \times 5, c \times 5$.

Thể tích của thùng thuốc là: $a \times 5 \times b \times 5 \times c \times 5 = (a \times b \times c) \times 5 \times 5 \times 5 = (a \times b \times c) \times 125$

Như vậy thể tích của một thùng thuốc sẽ gấp 125 lần thể tích của một hộp thuốc, do đó sẽ có 125 hộp thuốc được xếp trong mỗi thùng thuốc.



ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)*Mỗi câu đúng được 0,5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	C	D	B	A	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a) $4 \text{ giờ } 27 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 35 \text{ phút}$

b) $15 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} - 7 \text{ ngày } 11 \text{ giờ}$

c) $4 \text{ phút } 23 \text{ giây} \times 5$

d) $19 \text{ ngày } 3 \text{ giờ} : 9$

Lời giải

a) $4 \text{ giờ } 27 \text{ phút} + 7 \text{ giờ } 35 \text{ phút} = 12 \text{ giờ } 2 \text{ phút}$

b) $15 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} - 7 \text{ ngày } 11 \text{ giờ} = 7 \text{ ngày } 19 \text{ giờ}$

c) $4 \text{ phút } 23 \text{ giây} \times 5 = 21 \text{ phút } 55 \text{ giây}$

d) $19 \text{ ngày } 3 \text{ giờ} : 9 = 2 \text{ ngày } 3 \text{ giờ}.$

*(HS tự đặt tính rồi tính)***Bài 2. (1,5 điểm)** Trên quãng đường AB, một xe máy đi với vận tốc 30 km/giờ thì mất 1 giờ 30 phút.

Hỏi nếu một ô tô cũng đi từ A đến B với vận tốc gấp đôi xe máy thì hết bao nhiêu thời gian?

Lời giải

Đổi 1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

Độ dài quãng đường AB là: $30 \times 1,5 = 45 \text{ (km)}$

Vận tốc của ô tô là: $30 \times 2 = 60 \text{ (km/giờ)}$

Thời gian ô tô đi từ A đến B là: $45 : 60 = 0,75 \text{ (giờ)} = 45 \text{ phút}$

Đáp số: 45 phút.

Bài 3. (2 điểm) Một chiếc bể cá được làm bằng kính và thiết kế dạng hình hộp chữ nhật không có nắp, có chiều dài 15dm, chiều rộng bằng 4dm và chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hãy tính diện tích kính được sử dụng để làm chiếc bể cá đó.

Lời giải

Chiều cao của chiếc bể cá đó là: $15 \times \frac{1}{3} = 5$ (dm)

Diện tích xung quanh của chiếc bể cá đó là: $(15 + 4) \times 2 \times 5 = 190$ (dm²)

Diện tích đáy của bể cá là: $15 \times 4 = 60$ (dm²)

Diện tích kính được sử dụng để làm bể cá đó là: $190 + 60 = 250$ (dm²)

Đáp số: 250 dm².

Bài 4. (0,5 điểm) Khi tăng cạnh của hình lập phương thêm 20% thì thể tích của hình lập phương đó sẽ thay đổi như thế nào?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tăng 72,8% so với thể tích ban đầu

Coi độ dài cạnh ban đầu của hình lập phương là 100%.

Độ dài cạnh lúc sau ứng với: $100\% + 20\% = 120\%$ (độ dài cạnh ban đầu)

Thể tích hình lập phương lúc sau ứng với: $120\% \times 120\% \times 120\% = 172,8\%$ (thể tích ban đầu)

Thể tích mới tăng số phần trăm so với thể tích ban đầu là: $172,8\% - 100\% = 72,8\%$ (thể tích ban đầu).

Đáp số: tăng 72,8% so với thể tích ban đầu.